

Cần Thơ, ngày 17 tháng 8 năm 2026.

THÔNG BÁO
CHỈ ĐỊNH-CHỐNG CHỈ ĐỊNH-CÁCH DÙNG-LIỀU DÙNG NHÓM THUỐC CHỐNG HUYẾT KHỐI
2025-2027

Stt	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu - Nồng độ - Hàm lượng	Tên thương mại	Đơn vị tính	Chỉ định	Chống chỉ định	Cách dùng-Liều dùng								
1	Acenocoumarol-1mg	VINCEROL 1MG	Viên	- Bệnh tim gây tắc mạch: Dự phòng biến chứng huyết khối tắc mạch do rung nhĩ, bệnh van hai lá, van nhân tạo. - Nhồi máu cơ tim: Dự phòng biến chứng huyết khối tắc mạch trong nhồi máu cơ tim, biến chứng như huyết khối trên thành tim, rối loạn chức năng thất trái nặng, loạn động thất trái gây tắc mạch khi điều trị tiếp thay cho heparin. Dự phòng tái phát nhồi máu cơ tim khi không dùng được aspirin. - Điều trị huyết khối tĩnh mạch sâu và nghẽn mạch phổi, và dự phòng tái phát khi thay thế tiếp cho heparin. - Dự phòng huyết khối tĩnh mạch, nghẽn mạch phổi trong phẫu thuật khớp háng. - Dự phòng huyết khối trong ống thông.	- Suy gan nặng. - Nguy cơ chảy máu, mới can thiệp ngoại khoa về thần kinh và mắt hay khả năng phải mổ lại. - Tai biến mạch máu não (trừ trường hợp nghẽn mạch ở nơi khác). - Suy thận nặng. - Giảm tĩnh mạch thực quản. - Loét dạ dày-tá tràng đang tiến triển. - Không được phối hợp với aspirin liều cao (nhất là liều cao trên 3 g/ngày), thuốc chống viêm không steroid nhân pyrazol, miconazol dùng đường toàn thân, âm đạo; phenylbutazon, cloramphenicol, diflunisal. - Bệnh nhân không chịu hợp tác tốt. (Không tuân thủ các chỉ định điều trị của bác sỹ). - Phụ nữ có thai.	*Cách dùng: Dùng đường uống. *Liều dùng: Người lớn: Trong 2 ngày đầu 4mg/ngày , uống vào buổi tối. Từ ngày thứ 3, liều từ 1-8mg/ngày. Việc điều chỉnh thường tiến hành từng nấc 1mg. Nên tránh dùng acenocoumarol đường uống cho trẻ em đang bú dưới 1 tháng tuổi. Trẻ em > 3 tuổi liều tính theo kg thể trọng gần như của người lớn. Liều khởi đầu cho trẻ em tính theo mg/kg/ngày như sau: <table><tr><td></td><td>< 12 tháng</td><td>12 tháng - 3 năm</td><td>> 3 năm - 18 tuổi</td></tr><tr><td>Acenocoumarol</td><td>0,14</td><td>0,08</td><td>0,05</td></tr></table> Người cao tuổi: Liều khởi đầu phải thấp hơn liều người lớn. Liều trung bình cân bằng trong điều trị thường chỉ bằng ½ - ¾ liều người lớn.		< 12 tháng	12 tháng - 3 năm	> 3 năm - 18 tuổi	Acenocoumarol	0,14	0,08	0,05
	< 12 tháng	12 tháng - 3 năm	> 3 năm - 18 tuổi											
Acenocoumarol	0,14	0,08	0,05											

Stt	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu - Nồng độ - Hàm lượng	Tên thương mại	Đơn vị tính	Chỉ định	Chống chỉ định	Cách dùng-Liều dùng
2	Aspirin (Acid acetylsalicylic)-81mg	ASPIRIN VIDIPHA 81	Viên	Nhờ tác dụng chống kết tập tiểu cầu, aspirin được sử dụng trong một số bệnh lý tim mạch: - Đau thắt ngực. - Nhồi máu cơ tim. - Dự phòng biến chứng tim mạch ở các bệnh nhân có nguy cơ tim mạch cao. - Thuốc cũng được sử dụng trong điều trị và dự phòng một số bệnh lý mạch máu như đột quỵ.	- Do nguy cơ dị ứng chéo, không dùng aspirin cho người đã có triệu chứng hen, viêm mũi, phù mạch hoặc mày đay khi dùng aspirin hoặc những thuốc chống viêm không steroid khác trước đây. - Người có bệnh ưa chảy máu hoặc rối loạn chảy máu, giảm tiểu cầu, loét dạ dày hoặc tá tràng đang hoạt động. - Suy tim vừa và nặng. - Suy gan nặng. - Suy thận nặng. - Xơ gan. - Người bị bệnh gút. - Phụ nữ mang thai trong 3 tháng cuối thai kỳ. - Trẻ em và thiếu niên nhiễm virus có hoặc không có kèm sốt.	*Cách dùng: Uống sau bữa ăn. *Liều dùng: Người lớn Ức chế kết tập tiểu cầu: - Trong trường hợp dự phòng dài hạn biến chứng tim mạch trên bệnh nhân nguy cơ cao: 1-2 viên/ngày . - Trong trường hợp cấp tính nhồi máu cơ tim, nhồi máu não, cơn đau thắt ngực không ổn định, cần sử dụng ngay trong phác đồ trị liệu ban đầu, dùng liều nạp: 2-4 viên .
3	Clopidogrel (dưới dạng clopidogrel bisulphate) + Acetylsalicylic acid-75mg + 100mg	CLOPIDOGREL/ASPIRIN TEVA 75MG/100MG	Viên	- Phòng ngừa thứ phát do xơ vữa động mạch ở bệnh nhân người lớn đã dùng cả clopidogrel và aspirin riêng lẻ. Đây là sản phẩm kết hợp cố định để tiếp tục điều trị trong: - Hội chứng mạch vành cấp không có ST chênh lên (đau thắt ngực không ổn định hay nhồi máu cơ tim không có sóng Q) bao gồm bệnh nhân đã đặt stent mạch vành. - Nhồi máu cơ tim cấp với ST chênh lên ở bệnh nhân đã điều trị huyết khối tim mạch.	- Suy gan nặng. - Loét dạ dày tá tràng. - Xuất huyết nội soi. - Suy thận nặng. - Viêm mũi. - Hen suyễn. - Polyp mũi. - Bệnh nhân mắc hội chứng tế bào mast trước đó sử dụng aspirin có thể gây ra phản ứng quá mẫn nghiêm trọng (sốc tuần hoàn với triệu chứng đỏ bừng, hạ huyết áp, nhịp tim nhanh và nôn). - Phụ nữ có thai 3 tháng cuối thai kỳ.	*Cách dùng: Uống cùng hoặc không cùng với thức ăn. *Liều dùng: 1 viên/lần/ngày. Trẻ em < 18 tuổi an toàn và hiệu quả của thuốc chưa được thiết lập.
4		KACLOCIDE PLUS				
5	Aspirin; Clopidogrel Bisulfate 97,86mg (tương đương Clopidogrel 75mg)-75mg; 75mg	KACLOCIDE	Viên			

Stt	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu - Nồng độ - Hàm lượng	Tên thương mại	Đơn vị tính	Chỉ định	Chống chỉ định	Cách dùng-Liều dùng
6	Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel bisulfat) -75mg	VIXCAR	Viên	Phòng ngừa các biến cố huyết khối do xơ vữa động mạch. - Bệnh nhân người lớn bị nhồi máu cơ tim (từ vài ngày đến dưới 35 ngày), đột quỵ thiếu máu cục bộ (từ 7 ngày đến dưới 6 tháng) hoặc bệnh động mạch ngoại biên đã xác định. - Bệnh nhân người lớn bị hội chứng mạch vành cấp tính: + Không có đoạn ST chênh lên (đau thắt ngực không ổn định hoặc nhồi máu cơ tim không có sóng Q), bao gồm các bệnh nhân có đặt giá đỡ mạch vành (stent) trong quá trình can thiệp động mạch vành qua da, dùng kết hợp với aspirin. + Nhồi máu cơ tim cấp tính có đoạn ST chênh lên, dùng kết hợp với aspirin ở bệnh nhân được điều trị nội khoa và điều trị bằng thuốc tan huyết khối. Phòng ngừa các biến cố huyết khối do xơ vữa và huyết khối tắc mạch trong rung nhĩ. - Bệnh nhân người lớn bị rung tâm nhĩ có ít nhất một yếu tố nguy cơ biến cố mạch máu, không thích hợp cho việc điều trị bằng thuốc kháng vitamin K, có nguy cơ chảy máu thấp, dùng kết hợp với aspirin để phòng chống biến cố huyết khối do xơ vữa và huyết khối tắc mạch, bao gồm đột quỵ.	- Loét dạ dày. - Xuất huyết nội sọ. - Suy gan hoặc vàng da tắc mật.	*Cách dùng: Uống trong hoặc ngoài bữa ăn. *Liều dùng: Người lớn: Liều đề nghị là 75mg, 1 lần duy nhất trong ngày . Hội chứng mạch vành cấp. + Không có khoảng ST chênh lên: Dùng liều nạp khởi đầu 300mg, một lần trong ngày đầu tiên rồi sau đó dùng 75mg, 1 lần mỗi ngày cho những ngày tiếp theo (kết hợp với aspirin 75mg - 325mg, 1 lần mỗi ngày). Thời gian dùng thuốc tối ưu chưa rõ, có thể dùng đến 12 tháng và hiệu quả tối đa đạt được sau 3 tháng. + Nhồi máu cơ tim cấp tính có đoạn ST chênh lên: Liều đề nghị 75mg, 1 lần mỗi ngày , dùng liều nạp khởi đầu 300mg kết hợp với aspirin, có hoặc không kết hợp thuốc tan huyết khối . Bệnh nhân bị rung nhĩ, dùng liều duy nhất 75mg mỗi ngày , cần bắt đầu dùng kết hợp với aspirin (75mg - 100mg mỗi ngày) và tiếp tục sau đó. Trẻ em không nên dùng thuốc.
7		TUNADIMET				

Tài liệu tham khảo:
 -Thông tin nhà sản xuất.

TRƯỞNG KHOA DƯỢC-VT-TBYT

NGƯỜI LẬP BẢNG

Lê Công Trầm

Phan Ngọc Tuyền